

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TRANG TRẦN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TRANG TRẦN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRANG TRAN INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108184024

3. Ngày thành lập: 13/03/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 129 phố Sơn Tây, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902.091.716

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
2.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
3.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
4.	Trồng lúa	0111
5.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
6.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
7.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
8.	Sản xuất giống thủy sản	0323
9.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
10.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
11.	Trồng cây ăn quả	0121
12.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
13.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
14.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
15.	Chăn nuôi khác	0149
16.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
17.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
18.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
19.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
20.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21.	Bán buôn thực phẩm	4632
22.	Bán buôn đồ uống	4633

23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
25.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
26.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.	8299
28.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
29.	Trồng cây mía	0114
30.	Trồng cây lấy sợi	0116
31.	Trồng cây hàng năm khác	0119
32.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
33.	Trồng cây điều	0123
34.	Khai thác thủy sản biển	0311
35.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
36.	Phá dỡ	4311
37.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
38.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
39.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
40.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
41.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
42.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
44.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
45.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
46.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Cơ sở lưu trú khác	5590
49.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
50.	Hoạt động hậu kỳ	5912
51.	Cho thuê xe có động cơ	7710
52.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
53.	Giáo dục mầm non	8510
54.	Đào tạo cao đẳng	8541

55.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
56.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
57.	Khai thác thuỷ sản nội địa	0312
58.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	0322
59.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
60.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
62.	Bán buôn gạo	4631
63.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
65.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
66.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
67.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
68.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
69.	Xuất bản phần mềm	5820
70.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
71.	Hoạt động chiếu phim	5914
72.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
73.	Lập trình máy vi tính	6201
74.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
75.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
76.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
77.	Cổng thông tin	6312
78.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
79.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
80.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản;	6820
81.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Thiết kế xây dựng công trình; - Giám sát thi công xây dựng công trình; - Quản lý thi công xây dựng công trình;	7110
82.	Quảng cáo	7310

83.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
84.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
85.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
86.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
87.	Dịch vụ đóng gói	8292
88.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542
89.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
90.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
91.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
92.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
93.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
94.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
95.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
96.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
97.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
98.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
99.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
100.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
101.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
102.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
103.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
104.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
105.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
106.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
107.	Trồng cây cà phê	0126
108.	Chăn nuôi lợn	0145
109.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
110.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
111.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
112.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
113.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
114.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
115.	Khai thác gỗ	0221
116.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240

117.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
118.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
119.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
120.	Xây dựng công trình công ích	4220
121.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
122.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
123.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
124.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
125.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
126.	Đại lý du lịch	7911
127.	Điều hành tua du lịch	7912
128.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
129.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
130.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
131.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
132.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
133.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
134.	Bán buôn tổng hợp	4690
135.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
136.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
137.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
138.	Giáo dục tiểu học	8520
139.	Trồng cây hồ tiêu	0124
140.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
141.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
142.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
143.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
144.	Trồng cây cao su	0125
145.	Trồng cây chè	0127
146.	Trồng cây lâu năm khác	0129
147.	Chăn nuôi gia cầm	0146
148.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
149.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
150.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
151.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

152.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
153.	In ấn	1811
154.	Xây dựng nhà các loại	4100
155.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
156.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
157.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
158.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
159.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
160.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
161.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
162.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
163.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN THU TRANG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/06/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001187011083

Ngày cấp: 16/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 129 phố Sơn Tây, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 129 phố Sơn Tây, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/06/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001187011083

Ngày cấp: 16/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 129 phố Sơn Tây, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 129 phố Sơn Tây, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 13/03/2018 đến ngày 12/04/2018

